

DANH SÁCH KẾT QUẢ CỦA THÍ SINH DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH HƯNG YÊN NĂM HỌC 2025-2026
Vị trí việc làm: Giáo viên trung học phổ thông hạng III
(Kèm theo Thông báo số 63/TB-HĐTDVC ngày 15/8/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sự phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	PT001	Bùi Hải Anh	01/02/1997	SP	76,7	76,7			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
2	PT002	Bùi Thị Phương Anh	8/6/1997	Khac	50	50			Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu		Khá
3	PT003	Đỗ Hoàng Anh	4/3/2002	SP	60	55	5	Tây	Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Giỏi
4	PT004	Hoàng Thị Lan Anh	28/12/2003	SP	64,2	64,2			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
5	PT005	Hoàng Thị Vân Anh	06/01/2003	SP	55	55			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Khá
6	PT006	Lê Thị Phương Anh	16/7/1997	SP	73,3	73,3			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	X.sắc
7	PT007	Lê Việt Anh	05/9/2001	SP	67,5	67,5			Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu		Khá
8	PT008	Lưu Thị Hải Anh	17/3/1993	SP	66,7	66,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn		Khá
9	PT009	Mai Thị Hoàng Anh	26/5/1998	SP	56,7	56,7			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sinh	Trường THPT Văn Lâm-PT-Sinh	Giỏi
10	PT010	Ngô Phương Anh	21/5/2000	SP	40,8	40,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Khá
11	PT011	Ngô Thị Phương Anh	12/5/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá		Khá
12	PT012	Nguyễn Đăng Nhật Anh	13/10/2003	SP	61,7	61,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Khá
13	PT013	Nguyễn Hà Anh	26/9/2003	SP	56,7	51,7	5	Thái	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn		Khá
14	PT014	Nguyễn Hà Anh	22/11/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Khá
15	PT015	Nguyễn Hải Anh	06/12/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
16	PT016	Nguyễn Hoài Anh	12/02/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
17	PT017	Nguyễn Thị Lan Anh	03/4/1999	SP	50,8	50,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Khá
18	PT018	Nguyễn Thị Mai Anh	14/5/2000	SP	90,8	90,8			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn		Khá
19	PT019	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	25/4/2001	SP	63,3	63,3			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
20	PT020	Nguyễn Tuấn Anh	02/04/2003	SP	40	40			Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Giỏi
21	PT021	Nông Thị Vân Anh	23/7/1998	SP	78,3	78,3			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Giỏi
22	PT022	Phạm Thị Trang Anh	20/12/1994	SP	72,5	72,5			Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Kim Động-PT-Ngngu	
23	PT023	Trần Quỳnh Anh	02/11/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	X.sắc
24	PT024	Trần Thị Hải Anh	10/01/2003	SP	45	45			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Địa	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Địa	Giỏi
25	PT025	Trần Văn Anh	10/10/1998	SP	70,8	70,8			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Trường THPT Kim Động-PT-Ngngu	Giỏi
26	PT026	Vũ Thị Diệu Anh	24/01/2002	SP	71,7	71,7			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Khá
27	PT027	Hoàng Thị Ngọc Ánh	30/8/2002	SP	65,8	65,8			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
28	PT028	Ngô Minh Ánh	12/3/2003	SP	55,8	55,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn		Khá
29	PT029	Ngô Thị Ánh	05/10/1993	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Trưng Vương-PT-Sử	Giỏi
30	PT030	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	27/5/2003	SP	50,8	50,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
31	PT031	Phan Thị Nhài (không dán ảnh)	15/10/1988	SP	51,7	51,7			Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Khá
32	PT032	Giang Công Báo	01/11/1987	SP	70,8	70,8			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	TB Khá
33	PT033	Dương Thị Thanh Bình	09/11/2002	SP	68,3	68,3			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Trường THPT Kim Động-PT-Ngngu	Giỏi
34	PT034	Nguyễn Thị Thủy Bình	11/8/2002	SP	83,3	83,3			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	X.sắc
35	PT035	Nguyễn Thị Chăm	28/10/1997	SP	71,7	71,7			Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Trường THPT Mỹ Hào-PT-QPAN	Khá
36	PT036	Vũ Thị Thu Chang	09/8/2000	SP	70,8	70,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Khá
37	PT037	Phạm Minh Châu	24/8/1985	SP	74,2	74,2			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	TBK/ Giỏi
38	PT038	Đinh Thị Mai Chi	18/10/2003	SP	60	60			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
39	PT039	Đỗ Yến Chi	14/12/2003	SP	68,3	68,3			Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Giỏi
40	PT040	Nguyễn Thị Linh Chi	28/9/2001	Khac	52,5	52,5			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Ngngu	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Khá
41	PT041	Nguyễn Thị Bích Đào	28/6/1999	SP	50,8	50,8			Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Trường THPT Mỹ Hào-PT-QPAN	Khá
42	PT042	Nguyễn Cao Thảo Diệp	15/11/2003	SP	72,5	72,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Văn		Giỏi
43	PT043	Vũ Thị Ngọc Diệp	20/3/2002	SP	71,7	71,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
44	PT044	Phạm Thị Định	26/9/2001	SP	70	70			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Giỏi
45	PT045	Đỗ Văn Đông	16/5/1990	SP	76,7	76,7			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Địa	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Địa	Giỏi
46	PT046	Đào Thủy Dung	20/11/1986	SP	87,5	87,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Văn	Khá
47	PT047	Đinh Thùy Dung	07/01/2003	SP	49,2	49,2	5	Mường	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
48	PT048	Nguyễn Thị Dung	23/7/1990	SP	55,8	55,8			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán		Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
49	PT049	Nguyễn Thị Kim Dung	10/01/1998	SP	90,8	90,8			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Giỏi
50	PT050	Nguyễn Thùy Dung	27/12/2003	SP	82,5	82,5			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
51	PT051	Nguyễn Xuân Dũng	17/02/1987	SP	60,8	60,8			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Khá
52	PT052	Phạm Tiến Dũng	20/01/1997	SP	74,2	74,2			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
53	PT053	Đỗ Thị Dương	28/10/2000	SP	45,8	45,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
54	PT054	Nguyễn Ánh Dương	14/4/2002	SP	44,2	44,2			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Khá
55	PT055	Nguyễn Thế Dương	11/4/2003	SP	72,5	72,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sinh		Giỏi
56	PT056	Nguyễn Thị Thùy Dương	29/8/2001	SP	64,2	64,2			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Khá
57	PT057	Lê Thị Mỹ Duyên	14/6/1995	SP	71,7	71,7			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Ngngu		Giỏi
58	PT058	Thái Thị Mỹ Duyên	10/6/2003	SP	45	45			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Khá
59	PT059	Lương Thanh Giang	13/7/2003	SP	69,2	69,2			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
60	PT060	Nguyễn Thị Xuân Giang	06/3/2002	SP	56,7	56,7			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Giỏi
61	PT061	Trương Ninh Giang	21/4/2003	SP	57,5	57,5			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
62	PT062	Khúc Thị Hà	17/5/1996	SP	76,7	76,7			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Văn	Giỏi
63	PT063	Lưu Thị Hà	29/01/1992	SP	60,8	60,8			Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Trường THPT Mỹ Hào-PT-KTPL	Giỏi
64	PT064	Nguyễn Hồng Hà	29/01/2002	SP	69,2	69,2			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
65	PT065	Nguyễn Thị Hà	8/01/2002	SP	71,7	71,7			Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Trường THPT Mỹ Hào-PT-QPAN	Giỏi
66	PT066	Nguyễn Thị Ngọc Hà	22/7/2001	SP	57,5	57,5			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sinh	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Sinh	Giỏi
67	PT067	Phạm Ngân Hà	19/02/2003	SP	55,8	55,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Giỏi
68	PT068	Phùng Nguyệt Hà	02/01/2000	SP	87,5	87,5			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
69	PT069	Trần Thu Hà	03/02/2002	SP	50,8	50,8			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Khá
70	PT070	Nguyễn Thị Ngọc Hân	28/8/1995	SP	72,5	72,5			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá		Giỏi
71	PT071	Bùi Thị Thu Hằng	30/8/1989	SP	52,5	52,5			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
72	PT072	Đặng Thị Bích Hằng	21/11/2003	SP	75	70	5	Dao	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Địa	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Địa	Giỏi
73	PT073	Đào Thị Hằng	17/8/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
74	PT074	Đồng Thị Thu Hằng	18/3/2000	SP	66,7	66,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
75	PT075	Giang Minh Hằng	23/3/2001	SP	85	85			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	X.sắc
76	PT076	Lương Thị Hằng	10/6/1987	SP	64,2	64,2			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
77	PT077	Nguyễn Thị Thu Hằng	17/9/2003	SP	75,8	75,8			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Văn	Khá
78	PT078	Phạm Thị Thu Hằng	11/6/1995	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-KTPL	Giỏi
79	PT079	Trần Thị Hằng	09/6/1989	SP	65	60	5	Con thương binh	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Giỏi
80	PT080	Vũ Minh Hằng	10/4/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Văn	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Văn	Khá
81	PT081	Hoàng Thị Hồng Hạnh	06/3/2001	SP	74,2	74,2			Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
82	PT082	Lê Thị Hồng Hạnh	11/01/2000	Khac	58,3	58,3			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu		Giỏi
83	PT083	Lưu Thị Hạnh	04/08/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Giỏi
84	PT084	Nguyễn Mai Hạnh	7/02/2000	Khac	70	70			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Khá
85	PT085	Vũ Thị Hạnh	29/4/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu		Giỏi
86	PT086	Vũ Thị Hạnh	24/4/1997	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu		TB
87	PT087	Nguyễn Hải Hậu	14/8/2001	SP	69,2	69,2			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
88	PT088	Đoàn Thu Hiền	16/4/1997	SP	50	50			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-KTPL		Khá
89	PT089	Hoàng Thị Thu Hiền	13/6/1998	Khac	46,7	46,7			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
90	PT090	Nguyễn Thị Hiền	27/10/1999	SP	67,5	67,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
91	PT091	Nguyễn Thị Thu Hiền	28/4/1999	Khac	73,3	73,3			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	Giỏi
92	PT092	Phạm Thị Thu Hiền	08/07/2001	SP	78,3	78,3			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Giỏi
93	PT093	Vũ Thị Hiền	27/5/2000	SP	59,2	59,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Giỏi
94	PT094	Vũ Thị Thu Hiền	17/12/1992	SP	80,8	80,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Khá
95	PT095	Tạ Văn Hiền	01/4/1982	SP	79,2	79,2			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		Khá
96	PT096	Đàm Trung Hiếu	7/6/1997	SP	62,5	62,5			Trường THPT văn Giang-PT-QPAN	Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Khá
97	PT097	Nguyễn Thị Hiếu	20/8/1997	SP	64,2	64,2			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Sư	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Sư	Khá
98	PT098	Nguyễn Thị Thanh Hoa	16/8/1998	SP	51,7	51,7			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sư	Trường THPT Trưng Vương-PT-Sư	Giỏi
99	PT099	Vũ Thị Hoa	16/12/1998	SP	72,5	72,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
100	PT100	Nguyễn Thị Bích Hồng	10/9/1993	SP	59,2	59,2			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán		TB
101	PT101	Nguyễn Thị Thúy Hồng	19/8/2003	SP	44,2	44,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
102	PT102	Nguyễn Phương Huế	04/4/1997	SP	86,7	86,7			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
103	PT103	Nguyễn Thị Huế	08/12/1992	SP	72,5	72,5			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sinh	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Sinh	Khá
104	PT104	Đào Thị Huệ	02/8/1988	SP	55	55			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-KTPL	Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Khá
105	PT105	Nguyễn Thị Huệ	02/12/1989	SP	80,8	75,8	5	Con thương binh 4/4	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Khá
106	PT106	Nguyễn Thị Kim Huệ	20/12/2001	SP	70	70			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Khá
107	PT107	Hoàng Thị Lan Hương	16/3/1993	SP	75,8	70,8	5	Tây	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	TB
108	PT108	Lại Thu Hương	19/7/1999	Khac	65,8	65,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Giỏi
109	PT109	Trần Mai Hương	24/9/2001	SP	60	60			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
110	PT110	Trần Thị Mai Hương	21/5/1999	SP	40,8	40,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sinh		Khá
111	PT111	Vũ Mai Hương	05/12/2003	SP	78,3	78,3			Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Giỏi
112	PT112	Nguyễn Thị Thanh Hường	07/7/1995	SP	63,3	63,3			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Giỏi
113	PT113	Bạch Thị Thu Hường	12/6/1990	Khac	55,8	55,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
114	PT114	Đỗ Thị Hường	24/10/1989	SP	80	80			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
115	PT115	Nguyễn Thị Hường	16/03/1989	Khac	48,3	48,3			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Khá
116	PT116	Nguyễn Thị Hường	05/4/1990	SP	74,2	74,2			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
117	PT117	Nguyễn Tiến Xuân Hữu	15/6/1989	SP	67,5	67,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sinh		Khá
118	PT118	Đặng Quang Huy	13/11/2002	SP	55,8	55,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá		Khá
119	PT119	Nguyễn Quang Huy	19/09/2002	Khac	42,5	42,5			Trường THPT Tiên Lữ-PT-Tin		Khá
120	PT120	Phạm Tô Huy	10/8/1994	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		Khá
121	PT121	Bùi Khánh Huyền	13/9/2000	Khac	50	50			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
122	PT122	Đặng Thanh Huyền	10/10/2003	SP	75	75			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Ngngu	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Khá
123	PT123	Đào Thị Huyền	18/10/1991	SP	47,5	47,5			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	TB
124	PT124	Nguyễn Thị Huyền	27/5/2003	SP	38,3	38,3			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
125	PT125	Nguyễn Thị Thu Huyền	19/9/2003	SP	56,7	56,7			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Khá
126	PT126	Nguyễn Thu Huyền	27/3/2000	SP	46,7	46,7			Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Trường THPT Trưng Vương-PT-Ngngu	Giỏi
127	PT127	Trương Thị Huyền	13/2/1995	SP	80	80			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Khá
128	PT128	Vũ Thị Huyền	09/9/1995	SP	86,7	86,7			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
129	PT129	Vũ Thị Huyền	5/9/1997	SP	50,8	50,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Khá
130	PT130	Đinh Thị Ngọc Khánh	19/7/2003	SP	85,8	85,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Giỏi
131	PT131	Nguyễn Quốc Khánh	03/9/2003	SP	55	55			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Trưng Vương-PT-Sử	Giỏi
132	PT132	Nguyễn Trần Gia Khánh	25/6/2003	SP	65,8	65,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
133	PT133	Phạm Quốc Khánh	29/8/1999	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		X.sắc
134	PT134	Tạ Hồng Khánh	22/7/1997	SP	57,5	57,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Giỏi
135	PT135	Trịnh Mai Kiên	19/01/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Giỏi
136	PT136	Chu Văn Kiên	05/6/1986	SP	75	75			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sinh	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Sinh	Khá/ Khá
137	PT137	Dương Văn Kiều	11/11/1993	SP	65,8	60,8	5	Dân tộc	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Toán	Khá
138	PT138	Phạm Cao Mai Lam	04/10/2003	SP	53,3	53,3			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Khá
139	PT139	Trần Bá Lâm	17/11/1999	SP	65,8	63,3	2,5	Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Khá
140	PT140	Nguyễn Mai Lan	10/11/2002	SP	58,3	58,3			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
141	PT141	Nguyễn Thị Lan	19/11/1988	SP	82,5	82,5			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
142	PT142	Nguyễn Thị Lân	03/8/1990	Khac	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Khá
143	PT143	Vũ Nhật Lệ	09/12/1996	Khac	61,7	61,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Ngngu	Khá
144	PT144	Tô Thị Phương Lịch	12/8/1991	SP	67,5	67,5			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
145	PT145	Nguyễn Thị Liên	10/7/1997	SP	73,3	73,3			Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-KTPL	Giỏi
146	PT146	Nguyễn Thị Thu Liễu	27/11/1997	SP	87,5	82,5	5	Tây	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
147	PT147	Bùi Thị Khánh Linh	20/3/1998	SP	60	60			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
148	PT148	Đặng Khánh Linh	18/10/2003	SP	74,2	74,2			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Ngngu	X.sắc
149	PT149	Đặng Mai Linh	29/8/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
150	PT150	Đặng Phương Linh	07/3/1998	SP	78,3	78,3			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
151	PT151	Đỗ Thùy Linh	09/10/2002	SP	46,7	46,7			Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
152	PT152	Đoàn Ngọc Khánh Linh	23/10/2003	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
153	PT153	Mai Thảo Linh	20/11/2003	SP	46,7	46,7			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	X.sắc
154	PT154	Nguyễn Hải Linh	19/9/2000	SP	46,7	46,7			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Giỏi
155	PT155	Nguyễn Khánh Linh	05/02/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá		Giỏi
156	PT156	Nguyễn Khánh Linh	26/12/2003	SP	59,2	59,2			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
157	PT157	Nguyễn Thị Diễm Linh	12/10/2003	SP	55	55			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Sử	Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Khá
158	PT158	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/8/2002	SP	92,5	92,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	X.sắc
159	PT159	Nguyễn Thùy Linh	21/05/1991	SP	52,5	52,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
160	PT160	Nguyễn Thùy Linh	01/01/2001	SP	70,8	70,8			Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Giỏi
161	PT161	Phạm Thị Thùy Linh	18/5/2003	SP	58,3	58,3			Trường THPT Trưng Vương-PT-Văn	Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Giỏi
162	PT162	Vũ Thị Nguyệt Linh	01/9/1994	SP	78,3	78,3			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Giỏi
163	PT163	Đinh Thị Lua	15/11/1993	SP	68,3	68,3			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sử	Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Sử	Giỏi
164	PT164	Bùi Thị Luyến	05/10/1995	SP	65	65			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Sử		Khá
165	PT165	Hà Thị Hương Ly	22/11/2003	SP	52,5	52,5			Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Ngngu	Giỏi
166	PT166	Hoàng Thảo Ly	11/3/2002	SP	85,8	85,8			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Giỏi
167	PT167	Tô Thị Lý	20/7/1991	SP	70	70			Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu		Giỏi
168	PT168	Bùi Thị Ngọc Mai	01/6/2003	SP	52,5	52,5			Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
169	PT169	Đào Thị Mai	25/6/2003	SP	63,3	63,3			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		Khá
170	PT170	Nguyễn Quỳnh Mai	07/4/2003	SP	55	55			Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Trường THPT Trưng Vương-PT-Văn	Giỏi
171	PT171	Nguyễn Văn Mạnh	27/01/1996	SP	43,3	43,3			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
172	PT172	Nguyễn Thị May	19/4/2000	SP	66,7	66,7			Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Khá
173	PT173	Nguyễn Thị Mến	24/5/1991	SP	77,5	77,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Khá
174	PT174	Hoàng Thủy Minh	16/03/2003	SP	52,5	52,5			Trường THPT Trưng Vương-PT-Ngngu	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Ngngu	Giỏi
175	PT175	Lê Hồng Minh	08/4/2001	SP	59,2	59,2			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu		Giỏi
176	PT176	Nguyễn Thị Ngọc Minh	06/02/1989	SP	76,7	76,7			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		TB Khá
177	PT177	Nguyễn Văn Minh	20/8/2000	SP	71,7	71,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Khá
178	PT178	Ngô Thị Mùi	05/3/1991	SP	80,8	75,8	5	Con bệnh binh	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Toán	Giỏi
179	PT179	Đào Quỳnh Nga	08/11/2000	SP	66,7	66,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Khá
180	PT180	Nguyễn Phương Nga	02/7/2002	SP	64,2	64,2			Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
181	PT181	Nguyễn Thanh Nga	27/11/1999	Khac	42,5	42,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	Giỏi
182	PT182	Trần Thị Nguyệt Nga	13/11/2003	SP	45,8	45,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Giỏi
183	PT183	Đỗ Bảo Ngọc	08/12/2000	SP	67,5	67,5			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Sử	Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sử	Giỏi
184	PT184	Đỗ Thị Ánh Ngọc	24/9/2000	SP	38,3	38,3			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-GDTC	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-GDTC	Khá
185	PT185	Nguyễn Hồng Ngọc	12/04/2002	SP	61,7	61,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
186	PT186	Nguyễn Hồng Ngọc	09/02/2002	SP	45	45			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Giỏi
187	PT187	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/11/2002	SP	55,8	55,8			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
188	PT188	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/10/2002	SP	65,8	65,8			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Khá
189	PT189	Nguyễn Thị Ngọc	24/12/2003	SP	60,8	60,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Sử	Khá
190	PT190	Nguyễn Tuấn Ngọc	14/10/2002	SP	62,5	62,5			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
191	PT191	Phùng Thị Bích Ngọc	27/9/1996	SP	88,3	88,3			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Giỏi
192	PT192	Vũ Thị Bích Ngọc	27/12/2002	SP	53,3	53,3			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Khá
193	PT193	Lương Thị Thủy Nguyên	18/6/1994	SP	80	80			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
194	PT194	Nguyễn Thị Nhân	11/02/2001	SP	61,7	61,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Khá
195	PT195	Nguyễn Thị Nhân	4/04/1991	Khac	59,2	59,2			Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-KTPL	Khá
196	PT196	Nguyễn Thảo Nhi	25/01/2002	SP	46,7	46,7			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Địa	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Địa	Giỏi
197	PT197	Trịnh Yến Nhi	28/9/2002	SP	60,8	60,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Giỏi
198	PT198	Lê Thị Ninh	15/02/1989	Khac	46,7	46,7			Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu		TB Khá
199	PT199	Đặng Thị Hồng Nhung	01/4/1995	Khac	63,3	63,3			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn		Khá
200	PT200	Dương Thị Nhung	07/9/1999	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Giỏi
201	PT201	Hà Thị Nhung	12/3/1994	SP	57,5	57,5			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
202	PT202	Khúc Thị Trang Nhung	20/8/2003	SP	67,5	67,5			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sinh	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Sinh	Khá
203	PT203	Phạm Thị Hồng Nhung	10/11/1990	SP	77,5	77,5			Trường THPT Trưng Vương-PT-Ngngu	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Khá
204	PT204	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	12/3/1997	SP	56,7	56,7			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Trưng Vương-PT-Sử	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sự phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
205	PT205	Vũ Kiều Oanh	22/01/1997	SP	77,5	77,5			Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Khá
206	PT206	Vũ Thị Oanh	23/3/1996	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Giỏi
207	PT207	Tạ Mạnh Phát	6/3/2002	SP	72,5	72,5			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-KTPL	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-KTPL	Giỏi
208	PT208	Nguyễn Hồng Phong	02/01/2002	SP	74,2	74,2			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Khá
209	PT209	Ngô Xuân Phú	27/11/2002	SP	50	50			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Khá
210	PT210	Đào Văn Phúc	01/7/1991	Khac	46,7	46,7	5	Con bệnh binh 2	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Khá
211	PT211	Đỗ Đình Phúc	25/01/2002	SP	45	45			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
212	PT212	Nguyễn Đình Phúc	25/3/2003	SP	53,3	53,3			Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Khá
213	PT214	Trương Công Phúc	05/8/2003	SP	53,3	53,3			Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Ngngu	Khá
214	PT215	Dương Mai Phương	26/11/2003	SP	82,5	82,5			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Giỏi
215	PT216	Nguyễn Thị Phương	15/6/1992	SP	53,3	53,3			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Trưng Vương-PT-Sử	Khá
216	PT217	Trần Minh Phương	26/3/2003	SP	63,3	63,3			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Khá
217	PT218	Trần Thị Thanh Phương	06/9/1999	Khac	60,8	60,8			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Ngngu	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Giỏi
218	PT219	Vũ Thị Băng Phương	28/6/2001	SP	72,5	72,5			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu		Giỏi
219	PT220	Nguyễn Thị Phương	19/9/2000	SP	64,2	64,2			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Giỏi
220	PT221	Nguyễn Hữu Quân	10/6/1997	SP	88,3	88,3			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Giỏi
221	PT222	Lý Đức Quang	16/12/2003	SP	50	50			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Khá
222	PT223	Nguyễn Minh Quang	18/10/1997	SP	61,7	61,7			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
223	PT224	Nguyễn Tiến Quang	02/9/1987	SP	66,7	64,2	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trường THPT Mỹ Hào-PT-QPAN	Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Khá
224	PT225	Nguyễn Ngọc Quỳnh	01/01/2000	Khac	52,5	52,5			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Khoái Châu-PT-Ngngu	Khá
225	PT226	Tổng Thị Quỳnh	17/10/1997	SP	57,5	57,5			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Khá
226	PT227	Lê Diễm Quỳnh	14/8/2003	SP	66,7	66,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Giỏi
227	PT228	Ngô Thị Quỳnh	30/8/2003	SP	70,8	70,8			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Tin	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Tin	Khá
228	PT229	Nguyễn Vũ Như Quỳnh	10/8/2002	SP	61,7	61,7			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Giỏi
229	PT230	Tạ Thị Quỳnh	12/12/1998	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Khá
230	PT231	Vũ Trúc Quỳnh	22/6/2003	SP	54,2	54,2			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá		Giỏi
231	PT232	Nguyễn Dương Thùy Sinh	01/06/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		Khá
232	PT233	Hoàng Xuân Sơn	02/01/2001	SP	50	50			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Sử	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Sử	Giỏi
233	PT234	Nguyễn Thị Sơn	10/8/1991	SP	50	50			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		Khá
234	PT235	Đinh Đức Anh Tài	18/9/2002	SP	50	50			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	TB
235	PT236	Bùi Thị Thanh Tâm	08/10/1989	Khac	60,8	60,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Sử	Khá
236	PT237	Nguyễn Thị Tâm	04/02/1989	SP	72,5	72,5			Trường THPT Mỹ Hào-PT-KTPL	Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Khá
237	PT238	Trần Thị Tâm	28/10/1989	Khac	44,2	44,2	5	Con bệnh binh 2 (61%)	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Khá
238	PT239	Lý Thị Thắm	26/02/1991	SP	65,8	65,8			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	TB
239	PT240	Phạm Thị Thắm	30/9/2002	SP	57,5	57,5			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Khá
240	PT241	Nguyễn Đức Thắng	01/02/1997	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Trường THPT Mỹ Hào-PT-QPAN	Khá
241	PT242	Đỗ Thị Phương Thanh	26/11/2003	SP	68,3	68,3			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Giỏi
242	PT243	Nguyễn Phương Thanh	17/4/2000	SP	55,8	55,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
243	PT244	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	SP	67,5	67,5			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Khá
244	PT245	Cao Thị Thành	24/02/1988	SP	54,2	54,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
245	PT246	Vũ Văn Thành	12/12/2001	SP	64,2	64,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Khá
246	PT247	Bùi Phương Thảo	26/10/2003	SP	74,2	74,2			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
247	PT248	Bùi Thị Phương Thảo	11/5/2003	SP	70	65	5	Mường	Trường THPT Mỹ Hào-PT-KTPL	Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Khá
248	PT249	Lê Nguyễn Thanh Thảo	05/12/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Ngngu	Khá
249	PT250	Lưu Phương Thảo	4/01/2003	SP	52,5	52,5			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
250	PT251	Nguyễn Phương Thảo	11/02/1999	Khac	60,8	60,8			Trường THPT Trưng Vương-PT-Ngngu	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu	Giỏi
251	PT252	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/4/1990	SP	85,8	85,8			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Đức Hợp-PT-Toán	Khá
252	PT253	Nguyễn Thị Thảo	07/02/1988	SP	60,8	60,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Giỏi
253	PT254	Nguyễn Thị Thảo	21/9/1993	SP	50	50			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu		Khá
254	PT255	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/6/2003	SP	48,3	48,3			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Văn	Khá
255	PT256	Phạm Thu Thảo	01/11/2001	SP	55,8	55,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Giỏi

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
256	PT257	Trần Thị Thảo	23/02/2002	SP	59,2	59,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Giỏi
257	PT258	Trần Thị Thảo	23/10/2002	SP	54,2	54,2			Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Trường THPT Mỹ Hào-PT-QPAN	Giỏi
258	PT259	Trần Thu Thảo	27/4/2002	SP	50	50			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Khá
259	PT260	Trương Thị Thảo	02/4/2003	SP	63,3	63,3			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
260	PT261	Vũ Thị Phương Thảo	27/02/1996	SP	73,3	73,3			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Giỏi
261	PT262	Vũ Thị Thu Thảo	05/7/1996	SP	75	75			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Lý		Khá
262	PT263	Lục Thị Mỹ Thiều	29/11/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi	5	Tây	Trường THPT Minh Châu-PT-Sử	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Sử	Khá
263	PT264	Trần Thị Thoa	02/09/2000	SP	80	80			Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Trường THPT Trưng Vương-PT-Văn	Giỏi
264	PT265	Đỗ Thị Thơm	10/6/1998	Khac	54,2	54,2			Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Ngngu		Khá
265	PT266	Đoàn Thị Thơm	10/12/1992	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Khá
266	PT267	Hoàng Thị Thu	8/10/1995	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Giỏi
267	PT268	Nguyễn Thị Phương Thu	10/3/2002	SP	25	25			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Toán	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Toán	Khá
268	PT269	Nguyễn Thị Thu	23/9/1997	SP	52,5	52,5			Trường THPT Trưng Vương-PT-Sử	Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	X.sắc
269	PT270	Bùi Anh Thư	25/5/2003	SP	50	50			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	TB
270	PT271	Hà Thị Minh Thư	06/3/2001	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
271	PT272	Lê Anh Thư	27/10/2002	SP	78,3	78,3			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Khá
272	PT273	Nguyễn Anh Thư	05/3/2003	SP	60	60			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Ngngu	Trường THPT Minh Châu-PT-Ngngu	Khá
273	PT274	Nguyễn Quốc Thứ	26/7/1999	SP	63,3	63,3			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Sử	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Sử	Khá
274	PT275	Đặng Đức Thuận	9/11/2001	SP	75,8	75,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Ngngu	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Khá
275	PT276	Nguyễn Thị Thuy	8/6/1994	SP	88,3	88,3			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Giỏi
276	PT277	Đào Hồng Thủy	30/11/2003	SP	45,8	45,8			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-KTPL	Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Khá
277	PT278	Hoàng Thị Thủy	02/5/1995	Khac	49,2	49,2			Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Kim Động-PT-Ngngu	Khá
278	PT279	Nguyễn Diệu Thúy	27/10/2001	SP	67,5	67,5			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Giỏi
279	PT280	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	12/6/1992	SP	77,5	77,5			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Văn	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Văn	Giỏi
280	PT281	Bùi Diệu Thủy	11/9/2003	SP	71,7	71,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Giỏi
281	PT282	Đặng Thị Phương Thủy	18/4/1997	SP	66,7	66,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Khá
282	PT283	Nguyễn Phương Thủy	17/12/2003	SP	60,8	60,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Giỏi
283	PT284	Nguyễn Thị Thủy	03/02/1990	SP	55,8	55,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Khá
284	PT285	Đặng Thanh Thủy	15/05/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
285	PT286	Hoàng Phương Thủy	09/12/2003	SP	67,5	67,5			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
286	PT287	Lê Thanh Thủy	01/9/1997	SP	38,3	38,3			Trường THPT Nghĩa Dân-PT-GDTC	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-GDTC	Khá
287	PT288	Nguyễn Thanh Thủy	02/4/1996	SP	80	80			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Giỏi
288	PT289	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/7/1995	SP	56,7	56,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Sử	Trường THPT Dương Quảng Hàm-PT-Sử	Khá
289	PT290	Vũ Thị Thủy	17/12/2003	SP	46,7	46,7			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	
290	PT291	Nguyễn Anh Tiến	07/11/1992	SP	47,5	47,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	TB Khá
291	PT292	Nguyễn Việt Tiến	24/12/1991	SP	71,7	69,2	2,5	Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Ngngu		Khá
292	PT293	Chu Thị Quỳnh Trang	20/11/1998	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Giỏi
293	PT294	Đào Linh Trang	18/10/2001	Khac	77,5	77,5			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Ngngu	Giỏi
294	PT295	Đoàn Thu Trang	21/01/1996	SP	50	50			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Văn		Khá
295	PT296	Dương Thu Trang	23/8/2002	SP	69,2	69,2			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Giỏi
296	PT297	Hoàng Thị Trang	01/5/1998	SP	44,2	44,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
297	PT298	Lê Thị Minh Trang	16/9/1983	Khac	50,8	50,8			Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Sử	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Sử	TB Khá
298	PT299	Lê Thu Trang	24/11/2003	SP	59,2	59,2			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Sinh	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Sinh	Giỏi
299	PT300	Mai Thu Trang	25/8/2003	SP	50	50			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Khá
300	PT301	Nguyễn Huyền Trang	12/12/2003	SP	81,7	81,7			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Ngngu	Trường THPT Hưng Yên-PT-Ngngu	X.sắc
301	PT302	Nguyễn Quỳnh Trang	07/5/2002	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Khá
302	PT303	Nguyễn Thị Hà Trang	21/9/2002	SP	71,7	71,7			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sử	Trường THPT Phạm Ngũ Lão-PT-Sử	Giỏi
303	PT304	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	25/10/2003	SP	53,3	53,3			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Tin	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Tin	Khá
304	PT305	Nguyễn Thị Thu Trang	28/7/1994	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Sử		X.sắc
305	PT306	Nguyễn Thu Trang	29/6/2000	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Giỏi
306	PT307	Nguyễn Thùy Trang	24/9/2002	SP	51,7	51,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Khá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm xét tuyển					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Xếp loại văn bằng
				Sự phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Điểm giải			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
307	PT308	Trần Thị Thu Trang	17/4/1999	Khac	66,7	66,7			Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Trường THPT Trưng Vương-PT-Ngngu	Giỏi
308	PT309	Trần Thu Trang	15/4/2003	SP	45,8	45,8			Trường THPT Yên Mỹ-PT-Văn	Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Khá
309	PT310	Trần Thu Trang	02/5/2003	SP	84,2	84,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Văn	Giỏi
310	PT311	Nguyễn Văn Triều	27/8/1997	SP	35	35			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sử	Khá
311	PT312	Trần Văn Triều	21/10/1990	SP	Bỏ thi	Bỏ thi			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Khá/ Khá
312	PT313	Phạm Hoàng Trung	05/7/2003	SP	69,2	69,2			Trường THPT Tiên Lữ-PT-Tin	Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Tin	Khá
313	PT314	Nguyễn Kim Tú	16/9/2002	SP	53,3	53,3			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Văn	Trường THPT Văn Lâm-PT-Văn	Khá
314	PT315	Nguyễn Văn Tuấn	06/11/1988	SP	75,8	75,8			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá		Khá
315	PT316	Nguyễn Đắc Tùng	10/01/1989	Khac	62,5	62,5			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sử	Trường THPT Văn Lâm-PT-Sử	Khá
316	PT317	Trần Thúy Hằng	15/11/1986	Khac	47,5	47,5			Trường THPT Văn Lâm-PT-Sinh	Trường THPT Yên Mỹ-PT-Sinh	Khá
317	PT318	Nguyễn Thị Tuyền	20/8/1998	SP	89,2	89,2			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Giỏi
318	PT319	Phạm Thị Tuyền	01/12/1991	SP	80	80			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Khá
319	PT320	Trần Trọng Tuyền	01/12/1989	Khac	45,8	45,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Khá
320	PT321	Đỗ Lê Văn	13/11/2003	SP	68,3	68,3			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Giỏi
321	PT322	Nguyễn Thị Hồng Văn	14/11/1999	SP	55,8	55,8			Trường THPT Văn Lâm-PT-Ngngu	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Ngngu	Giỏi
322	PT323	Nguyễn Thị Văn	22/5/1993	SP	65,8	65,8			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Khá
323	PT324	Nguyễn Vũ Thảo Văn	13/12/2003	SP	73,3	73,3			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Toán	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Giỏi
324	PT325	Quách Thị Thanh Văn	24/8/2003	SP	69,2	69,2			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-KTPL	Trường THPT Yên Mỹ-PT-KTPL	Khá
325	PT326	Văn Thị Văn	10/7/1997	SP	76,7	76,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Sử	Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Sử	Giỏi
326	PT327	Vũ Cẩm Văn	13/01/1996	SP	42,5	42,5			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Khá
327	PT328	Mai Anh Việt	05/10/1990	SP	61,7	59,2	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Trường THPT Văn Lâm-PT-QPAN	Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Khá
328	PT329	Nguyễn Đình Việt	13/10/2001	SP	35,8	35,8			Trường THPT Chuyên Hưng Yên-PT-Toán		Khá
329	PT330	Nguyễn Thế Việt	11/3/2002	SP	61,7	61,7			Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Khá
330	PT331	Nguyễn Trọng Vinh	03/6/2002	SP	60	60			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Giỏi
331	PT332	Hoàng Long Tiến Vũ	21/11/2003	SP	50,8	50,8			Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Khá
332	PT333	Đoàn Thị Vui	17/4/1997	SP	58,3	58,3			Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Giỏi
333	PT334	Bùi Thị Xuân	07/4/1991	SP	84,2	84,2			Trường THPT Mỹ Hào-PT-Hoá	Trường THPT Khoái Châu-PT-Hoá	Giỏi
334	PT335	Nguyễn Thị Thanh Xuân	24/01/2003	SP	73,3	73,3			Trường THPT Nguyễn Siêu-PT-Ngngu	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Ngngu	Giỏi
335	PT336	Cao Thị Yến	08/02/1992	SP	71,7	71,7			Trường THPT Minh Châu-PT-Hoá	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Hoá	Giỏi
336	PT337	Hoàng Thị Hải Yến	01/11/1993	SP	75,8	75,8			Trường THPT Trần Quang Khải-PT-Toán	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Toán	Khá
337	PT338	Nguyễn Hoàng Yến	05/12/2002	SP	59,2	59,2			Trường THPT Minh Châu-PT-Văn	Trường THPT Triệu Quang Phục-PT-Văn	Khá
338	PT339	Nguyễn Thị Hải Yến	03/8/1995	SP	73,3	73,3			Trường THPT Nam Phù Cừ-PT-Toán	Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật-PT-Toán	Giỏi
339	PT340	Nguyễn Thị Yến	8/11/1992	SP	75	75			Trường THPT Yên Mỹ-PT-QPAN	Trường THPT Văn Giang-PT-QPAN	Giỏi
340	PT341	Phạm Hải Yến	21/3/1991	SP	70	70			Trường THPT Hưng Yên-PT-Sử	Trường THPT Minh Châu-PT-Sử	Khá
341	PT342	Vũ Hải Yến	12/7/2003	SP	88,3	88,3			Trường THPT Minh Châu-PT-Toán	Trường THPT Nghĩa Dân-PT-Toán	Khá